

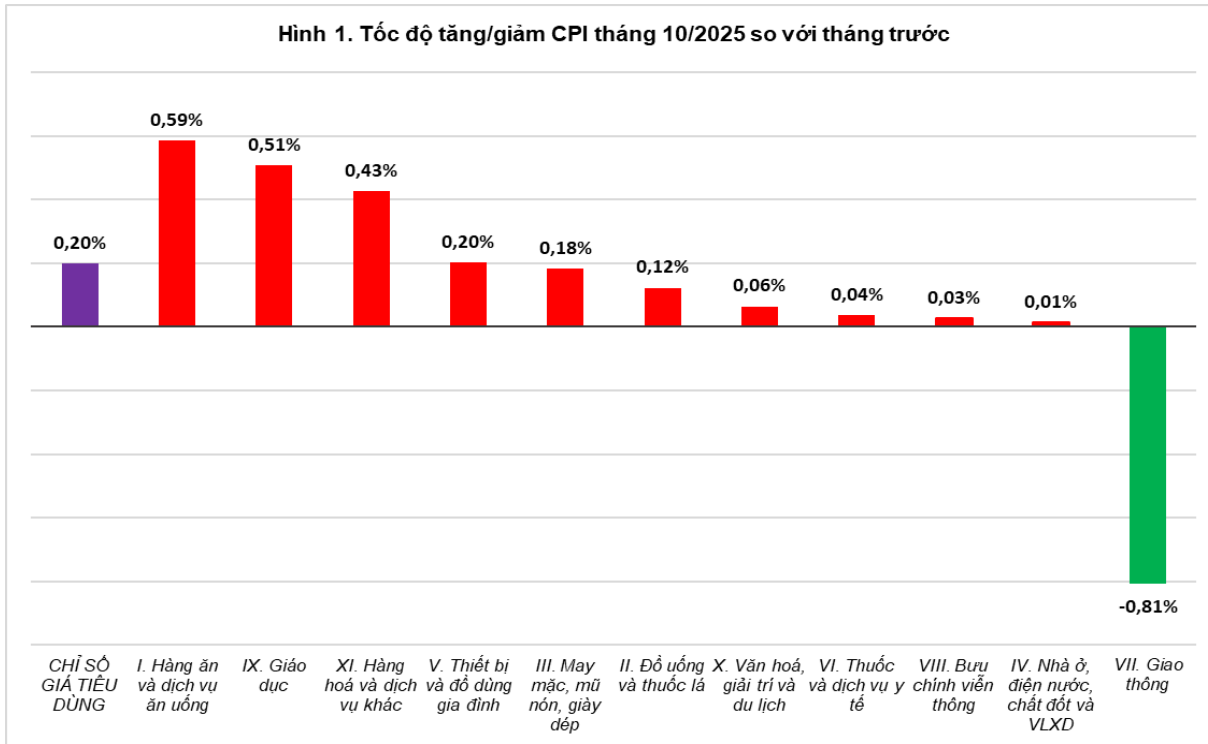
Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2025

## TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG MƯỜI VÀ 10 THÁNG NĂM 2025

Giá thực phẩm tăng cao tại các tỉnh, thành phố bị ảnh hưởng trực tiếp bởi mưa lũ sau bão; ăn uống ngoài gia đình tăng theo chi phí nguyên liệu đầu vào và dịch vụ giáo dục các trường ngoài công lập tiếp tục tăng là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2025 tăng 0,2% so với tháng trước. So với tháng 12/2024, CPI tháng Mười tăng 2,82% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,25%. Bình quân 10 tháng năm 2025, CPI tăng 3,27% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,2%.

### I. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 10/2025

So với tháng trước, CPI tháng 10/2025 tăng 0,2% (khu vực thành thị tăng 0,23%; khu vực nông thôn tăng 0,17%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 10 nhóm hàng tăng giá, 01 nhóm hàng giảm giá.



Diễn biến giá tiêu dùng tháng 10/2025 so với tháng trước của các nhóm hàng chính như sau:

## **1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,59%)**

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 10/2025 tăng 0,59% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,2 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm thực phẩm tăng 0,69%, tác động tăng 0,15 điểm phần trăm; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 0,57%, tác động tăng 0,05 điểm phần trăm; nhóm lương thực tăng nhẹ 0,02%, hầu như không tác động tới CPI chung.

### **1.1. Lương thực (+0,02%)**

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 10/2025 tăng 0,02% so với tháng trước, chủ yếu do giá một số mặt hàng lương thực tăng như giá ngô tăng 2,52%; sắn tăng 2,07%; khoai tăng 0,83%; bột ngô tăng 0,51%; bột mỳ tăng 0,49%; ngũ cốc ăn liền tăng 0,36%; bánh mỳ tăng 0,34%; miến tăng 0,29%.

Ở chiều ngược lại, chỉ số giá nhóm gạo giảm 0,14% (Gạo tẻ thường giảm 0,2%; gạo tẻ ngon tăng 0,08%; gạo nếp giảm 0,02%). Giá gạo trong nước giảm theo xu hướng giá gạo xuất khẩu khi nguồn cung toàn cầu dồi dào.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 14.600-17.200 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 20.400-22.000 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thom chợ Đào từ 22.500-23.900 đồng/kg; giá gạo nếp từ 27.000-39.400 đồng/kg.

### **1.2. Thực phẩm (+0,69%)**

Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 10/2025 tăng 0,69% so với tháng trước chủ yếu do chịu ảnh hưởng của hai cơn bão liên tiếp số 11 và số 12 gây mưa lớn, ngập úng diện rộng ở nhiều địa phương, khiến nguồn cung thực phẩm bị gián đoạn và thiệt hại nông sản dẫn đến giá tăng cao. Trong đó, chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 10/2025 của Thái Nguyên tăng 1,86% so với tháng trước; Quảng Ninh tăng 1,46%; Đà Nẵng tăng 1,22%; Quảng Ngãi tăng 1,2%; Hà Nội tăng 0,98%; Bắc Ninh tăng 0,75% và Quảng Trị tăng 0,72%.

Nhóm thực phẩm chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng sau:

- Giá nhóm rau tươi, khô và chế biến tháng Mười tăng 4,5% so với tháng trước. Các địa phương bị ảnh hưởng trực tiếp bởi mưa lũ giá rau tăng từ 3-50% do nhiều diện tích rau màu bị ngập úng. Cụ thể, giá cà chua tăng 14,66%; rau muống tăng 7,78%; rau dẹt quả, củ tăng 4,73%; rau tươi khác tăng 4,93%; su hào tăng 4,53%; đỗ quả tươi tăng 3,91%; bắp cải và khoai tây cùng tăng 2,67%; rau gia vị tươi, khô các loại tăng 2,44%.

- Giá quả tươi, chế biến tăng 0,43% chủ yếu do giá nhóm quả tươi khác (dứa, nho, đu đủ...) tăng 0,97% và quả chế biến tăng 0,69%.

- Giá trứng các loại tăng 0,37% do nhu cầu tiêu dùng tăng trong khi nguồn cung giảm, sau giai đoạn giá xuống thấp năm 2024, nhiều trang trại buộc phải thu hẹp quy mô hoặc tạm ngừng sản xuất. Cùng với đó, nhu cầu tiêu dùng trong nước cùng xuất khẩu sang Campuchia, Lào, Trung Đông tăng.

- Giá thủy sản chế biến tăng 0,36%, trong đó cá khô và chế biến tăng 0,4%; thủy sản chế biến khác tăng 0,3%. Giá thủy sản tươi sống tăng 0,33%, trong đó tôm tươi hoặc ướp lạnh tăng 0,48%; thủy sản tươi sống khác tăng 0,41%; giá cá tươi hoặc ướp lạnh tăng 0,25% do ảnh hưởng của mưa bão nên hạn chế hoạt động khai thác.

- Giá thịt gia cầm tăng 0,3% do ảnh hưởng của mưa lớn và lũ lụt kéo dài khiến hàng nghìn gia cầm bị chết hoặc cuốn trôi, nguồn cung giảm. Trong đó, giá thịt gà tăng 0,47%; thịt gia cầm đông lạnh tăng 1,17%.

- Một số nhóm thực phẩm khác như giá chè, cà phê, ca cao tăng 0,4%; bánh, mứt, kẹo tăng 0,39%; đường, mật tăng 0,31%; sữa, bơ, phô mai tăng 0,3%; đồ gia vị tăng 0,14%.

Bên cạnh các mặt hàng tăng giá, một số mặt hàng thực phẩm có giá giảm so với tháng trước: Giá thịt hộp giảm 0,53%; trứng đã chế biến giảm 0,3%; thịt gia cầm khác giảm 0,28%; bột nêm, bột canh, viên súp giảm 0,26%; nội tạng động vật giảm 0,1%.

### **1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,57%)**

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 10/2025 tăng 0,57% so với tháng trước do nhu cầu ăn uống ngoài gia đình tăng và giá nguyên liệu thực phẩm, dịch vụ tăng. Trong đó, giá ăn ngoài gia đình tăng 0,6%; uống ngoài gia đình tăng 0,56%; đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,38%.

### **2. Đồ uống và thuốc lá (+0,12%)**

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 10/2025 tăng 0,12% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng và chi phí sản xuất tăng, trong đó giá nước uống tăng lực đóng chai, lon, hộp tăng 0,42%; nước giải khát có ga tăng 0,38%; nước quả ép tăng 0,24%; rượu các loại tăng 0,21%; thuốc hút tăng 0,15%.

### **3. May mặc, mũ nón và giày dép (+0,18%)**

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tháng Mười tăng 0,18% so với tháng trước do nhu cầu mua sắm tăng khi thời tiết chuyển lạnh. Trong đó, giá vải các loại tăng 0,35%; quần áo may sẵn tăng 0,26%; may mặc khác và dịch vụ may mặc cùng tăng 0,25%; mũ nón tăng 0,19%; dịch vụ giày, dép tăng 0,15%.

### **4. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,01%)**

Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tháng 10/2025 tăng 0,01% so với tháng trước chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,99% do giá gạch, cát, đá tăng trong khi nhu cầu sửa chữa, xây dựng tăng vào cuối năm.

- Giá thuê nhà tăng 0,34% do nhu cầu thuê nhà tăng tại một số địa phương khi sinh viên và học sinh quay trở lại các thành phố lớn để học tập.

- Giá dầu hỏa tăng 0,56% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng.
- Giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,26% do tiền công thợ sơn tường, thợ lát nền, xây tường và lao động phổ thông tăng.

Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng có giá giảm so với tháng trước:

- Giá điện sinh hoạt giảm 1,74%; giá nước sinh hoạt giảm 0,17%<sup>1</sup> do thời tiết mát mẻ, nhu cầu sử dụng giảm.
- Giá gas giảm 1,62%, nguyên nhân là từ ngày 01/10/2025, giá gas trong nước điều chỉnh giảm theo giá gas thế giới.

### **5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,2%)**

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 10/2025 tăng 0,2% so với tháng trước do chi phí sản xuất và nhân công tăng. Trong đó, giá trang thiết bị nhà bếp tăng 0,7%; ấm, phích nước điện tăng 0,59%; máy giặt tăng 0,54%; dịch vụ trong gia đình tăng 0,43%; máy in, máy chiếu tăng 0,42%; máy đánh trứng tăng 0,38%; bàn là điện tăng 0,27%; máy hút bụi tăng 0,29%; bếp ga tăng 0,25%; đèn điện thấp sáng tăng 0,24%; xà phòng, chất tẩy rửa và dịch vụ sửa chữa thiết bị gia đình cùng tăng 0,21%.

### **6. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,04%)**

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tháng 10/2025 tăng nhẹ 0,04% so với tháng trước do nhóm thuốc học môn và thuốc hô hấp tăng 0,21%; thuốc giảm đau, hạ sốt chống viêm không steroid tăng 0,19%; nhóm vitamin và khoáng chất và thuốc chống dị ứng và các trường hợp quá mẫn cùng tăng 0,11%; thuốc đường tiêu hóa tăng 0,1%; thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng tăng 0,08%.

### **7. Giao thông (-0,81%)**

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 10/2025 giảm 0,81% so với tháng trước, tác động làm giảm CPI chung 0,08 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá dầu diesel giảm 0,35%; chỉ số giá xăng giảm 2,48% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước. Thêm vào đó, giá xe ô tô đã qua sử dụng giảm 0,62%; vận tải hành khách bằng đường hàng không giảm 5,46%.

Ở chiều ngược lại, một số nhóm hàng có chỉ số giá tăng so với tháng trước:

- Giá vận tải hành khách bằng xe buýt tăng 0,06%; vận tải hành khách bằng taxi tăng 0,05%; vận tải hành khách kết hợp tăng 0,04% do nhu cầu đi lại tăng.
- Giá nhóm phụ tùng tăng 0,2% do chi phí nhập khẩu linh kiện tăng, trong đó giá phụ tùng khác của xe đạp tăng 0,86%; lốp, săm xe đạp tăng 0,65%; lốp, săm xe máy tăng 0,2%; phụ tùng khác của xe máy tăng 0,17%.
- Giá bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,14%, trong đó giá sửa chữa xe máy tăng 0,14% và sửa chữa xe đạp tăng 0,04% do chi phí nhân công tăng.

<sup>1</sup> Chỉ số giá điện, nước sinh hoạt tháng 10/2025 phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng 9/2025.

### **8. Bưu chính, viễn thông (+0,03%)**

Nhóm bưu chính, viễn thông tháng 10/2025 tăng 0,03% so với tháng trước. Trong đó, máy điện thoại di động thông minh tăng 1,28%; giá sửa chữa điện thoại tăng 0,15%.

### **9. Giáo dục (+0,51%)**

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng Mười tăng 0,51% so với tháng trước. Trong đó, giá dịch vụ giáo dục tăng 0,56% do một số trường đại học, cao đẳng, trung cấp, nghề nghiệp, trung học dân lập và mầm non tư thục tại một số địa phương điều chỉnh tăng học phí năm học 2025-2026 mặc dù các trường công lập được miễn, giảm và hỗ trợ học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ban hành ngày 03/9/2025 của Chính phủ. Bên cạnh đó, giá sản phẩm từ giấy tăng 0,29%; bút viết các loại tăng 0,24%; văn phòng phẩm, đồ dùng học tập khác tăng 0,1%.

### **10. Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,06%)**

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng 10/2025 tăng 0,06% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở các nhóm: Giá khách sạn, nhà khách tăng 0,46%; vé thuê chỗ chơi thể thao tăng 0,08%; xem phim, ca nhạc tăng 0,69%. Ở chiều ngược lại, du lịch trọn gói giảm 0,15% do các công ty du lịch triển khai chương trình khuyến mại giảm giá để kích cầu tiêu dùng.

### **11. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,43%)**

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 10/2025 tăng 0,43% so với tháng trước, tăng chủ yếu ở một số mặt hàng như: Giá đồ trang sức tăng 9,82% theo giá vàng thế giới; dụng cụ cá nhân không dùng điện tăng 0,69%; hàng chăm sóc cơ thể tăng 0,4%; sửa chữa đồng hồ đeo tay, sửa chữa đồ trang sức tăng 0,37%; dịch vụ về hiệu, hỷ tăng 0,22%; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng 0,36%; dịch vụ cắt tóc, gội đầu tăng 0,28%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 0,09%.

### **12. Chỉ số giá vàng (+12,53%)**

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 31/10/2025, giá vàng thế giới bình quân ở mức 4.030,66 USD/ounce, tăng 9,28% so với tháng trước, mức tăng mạnh nhất trong nhiều năm gần đây. Nguyên nhân chính là do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) cắt giảm lãi suất điều hành khiến đồng USD suy yếu, lợi suất trái phiếu giảm sâu và vàng trở nên hấp dẫn với nhà đầu tư. Bên cạnh đó, rủi ro địa chính trị, bất ổn kinh tế toàn cầu, các ngân hàng trung ương tiếp tục mua ròng vàng để đa dạng hóa dự trữ và hoạt động đầu cơ tăng mạnh đã thúc đẩy tăng giá. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 10/2025 tăng 12,53% so với tháng trước; tăng 63,64% so với tháng 12/2024; tăng 65,03% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 10 tháng năm 2025, chỉ số giá vàng tăng 44,02%.

### **13. Chỉ số giá đô la Mỹ (-0,34%)**

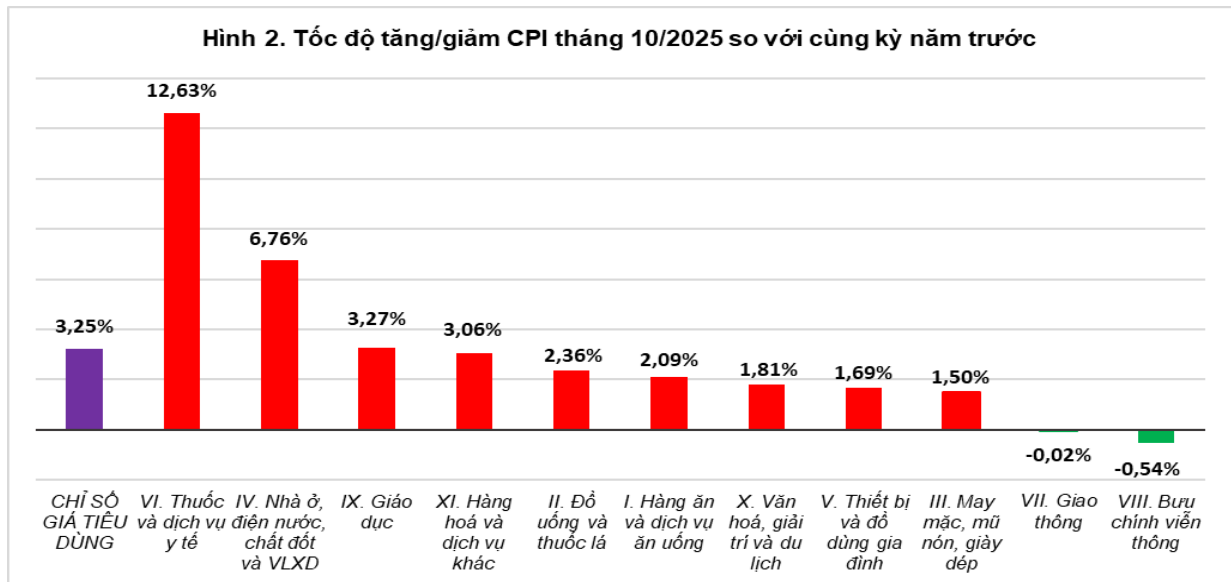
Giá đô la Mỹ trong nước biến động ngược chiều với giá thế giới. Tính đến ngày 31/10/2025, chỉ số giá đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 98,46 điểm, tăng 1,02% so với tháng trước do thị trường kỳ vọng FED sẽ duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng và nhu cầu nắm giữ USD tăng trong bối cảnh bất ổn địa chính

trị và triển vọng kinh tế toàn cầu suy yếu. Trong nước, chỉ số giá đô la Mỹ tháng 10/2025 giảm 0,34% so với tháng trước; tăng 5,54% so với cùng kỳ năm trước; tăng 3,62% so với tháng 12/2024; bình quân 10 tháng năm 2025, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 3,98%.

**Bảng 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 10 từ năm 2021 đến năm 2025**

|                                                 | Đơn vị tính: % |          |          |          |          |
|-------------------------------------------------|----------------|----------|----------|----------|----------|
|                                                 | Năm 2021       | Năm 2022 | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
| CPI tháng 10 so với tháng trước                 | -0,20          | 0,15     | 0,08     | 0,33     | 0,20     |
| CPI tháng 10 so với cùng kỳ năm trước           | 1,77           | 4,30     | 3,59     | 2,89     | 3,25     |
| CPI tháng 10 so với tháng 12 năm trước          | 1,67           | 4,16     | 3,20     | 2,52     | 2,82     |
| CPI bình quân 10 tháng so với cùng kỳ năm trước | 1,81           | 2,89     | 3,20     | 3,78     | 3,27     |

***So với cùng kỳ năm trước***, CPI tháng 10/2025 tăng 3,25%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính, có 09 nhóm tăng giá và 02 nhóm giảm giá.



Các nhóm hàng có chỉ số giá tháng 10/2025 tăng so với cùng kỳ năm trước:

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất với 12,63%, làm CPI chung tăng 0,68 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế tăng theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế điều chỉnh lương cơ sở từ 1,8 triệu đồng/tháng lên 2,34 triệu đồng/tháng.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,76%, tác động làm CPI chung tăng 1,27 điểm phần trăm. Nguyên nhân chủ yếu do giá thuê nhà; vật liệu bảo dưỡng nhà ở và dịch vụ sửa chữa đều tăng. Cụ thể, giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 10,01%; giá nhà ở thuê tăng 6,43%; dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 5,29%. Thêm vào đó, giá điện sinh hoạt tăng 11,12%; dịch vụ nước sinh hoạt tăng 3,43%; dịch vụ về điện sinh hoạt tăng 2,78%; nước sinh hoạt tăng 0,55%.

- Nhóm giáo dục tăng 3,27% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 0,2 điểm phần trăm do một số trường dân lập, tư thục điều chỉnh giá học phí năm học 2025-2026 mặc dù các trường công lập được miễn, giảm và hỗ trợ học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ban hành 03/9/2025 của Chính phủ.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,09% tác động làm CPI chung tăng 0,7 điểm phần trăm, trong đó giá nhóm thực phẩm tăng 1,96%; ăn uống ngoài gia đình tăng 3,96%.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,81% làm CPI chung tăng 0,08 điểm phần trăm, chủ yếu do nhu cầu du lịch tăng cao cùng với chi phí vận chuyển, lưu trú và các dịch vụ giải trí đồng loạt tăng trong mùa cao điểm.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,36%, tác động làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm, trong đó giá thuốc hút tăng 2,73%; rượu các loại tăng 2,89%; bia các loại tăng 1,83%.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,69%, tác động làm CPI chung tăng 0,11 điểm phần trăm. Trong đó, giá sửa chữa thiết bị trong gia đình tăng 2,63%; đồ nhựa và cao su tăng 1,92%; giường, tủ, bàn ghế tăng 1,83%; dịch vụ trong gia đình tăng 4,73%; đồ dùng nấu ăn tăng 0,4%.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,5%, tác động làm CPI chung tăng 0,09 điểm phần trăm. Trong đó, giá dịch vụ giày dép tăng 3,02%; dịch vụ may mặc tăng 2,94%; vải các loại tăng 2,85%; may mặc khác và mũ nón tăng 1,97%; quần áo may sẵn tăng 1,74%; giày, dép tăng 0,27%.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 3,06%, tác động làm CPI chung tăng 0,11 điểm phần trăm chủ yếu do đồ dùng cá nhân tăng 6,65%; dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 3,48%; dịch vụ về hỉ tăng 3,16%; dịch vụ về hiếu tăng 2,21%.

Ở chiều ngược lại, có 02 nhóm hàng có chỉ số giá tháng 10/2025 giảm so với cùng kỳ năm trước:

- Nhóm giao thông giảm 0,02%, tác động làm CPI chung giảm không đáng kể, trong đó giá xăng giảm 2,41% theo giá thế giới.

- Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,54%, tác động làm CPI chung giảm 0,02 điểm phần trăm do giá bán máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng và phụ kiện giảm khi cạnh tranh giữa các hãng sản xuất gia tăng, công nghệ sản xuất cải tiến làm giảm chi phí, cùng với các chương trình giảm giá và khuyến mại kích cầu tiêu dùng.

**So với tháng 12/2024**, CPI tháng Mười tăng 2,82%, trong đó có 09 nhóm hàng tăng giá; 02 nhóm hàng giảm giá.

Các nhóm hàng tăng giá:

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất với 10,17% do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế; dịch vụ y tế tăng 13,16%; dụng cụ y tế tăng 1,42%; thuốc các loại tăng 1,04% do chi phí nguyên liệu đầu vào tăng.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,28%, trong đó giá điện sinh hoạt tăng 8,1%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 9,58%; nhà ở thuê tăng 5,14%; dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 4,18%; nước sinh hoạt tăng 1,01%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,45%, chủ yếu do giá thực phẩm tăng 2,79% và ăn uống ngoài gia đình tăng 3,55%.

- Nhóm đồ uống, thuốc lá tăng 1,89% do chi phí nguyên liệu đầu vào, chi phí vận chuyển và nhu cầu tiêu dùng tăng.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,41% do nhu cầu du lịch, vui chơi giải trí tăng trong dịp nghỉ lễ và hè.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,44% do nhu cầu sử dụng và chi phí sản xuất tăng.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,01%, trong đó dịch vụ giày dép tăng 2,3%; dịch vụ may mặc tăng 2,38%; vải các loại tăng 2,16%; mũ nón tăng 1,69%; quần áo may sẵn tăng 1,11%.

- Nhóm giáo dục tăng 2,99% do giá đồ dùng học tập và văn phòng tăng 1,62%; dịch vụ giáo dục tăng 3,17%.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 2,53% chủ yếu do giá nhóm đồ trang sức tăng theo giá vàng trong nước và thế giới; đồ dùng cá nhân tăng 6,03%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 3,54%; dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 2,57%.

Ở chiều ngược lại, có 02 nhóm hàng có chỉ số giá tháng 10/2025 giảm so với tháng 12/2024:

- Nhóm giao thông giảm 0,52% do các đợt điều chỉnh giá từ tháng 01/2025 đến nay làm cho giá xăng A95 giảm 60 đồng/lít; giá dầu diesel tăng 570 đồng/lít.

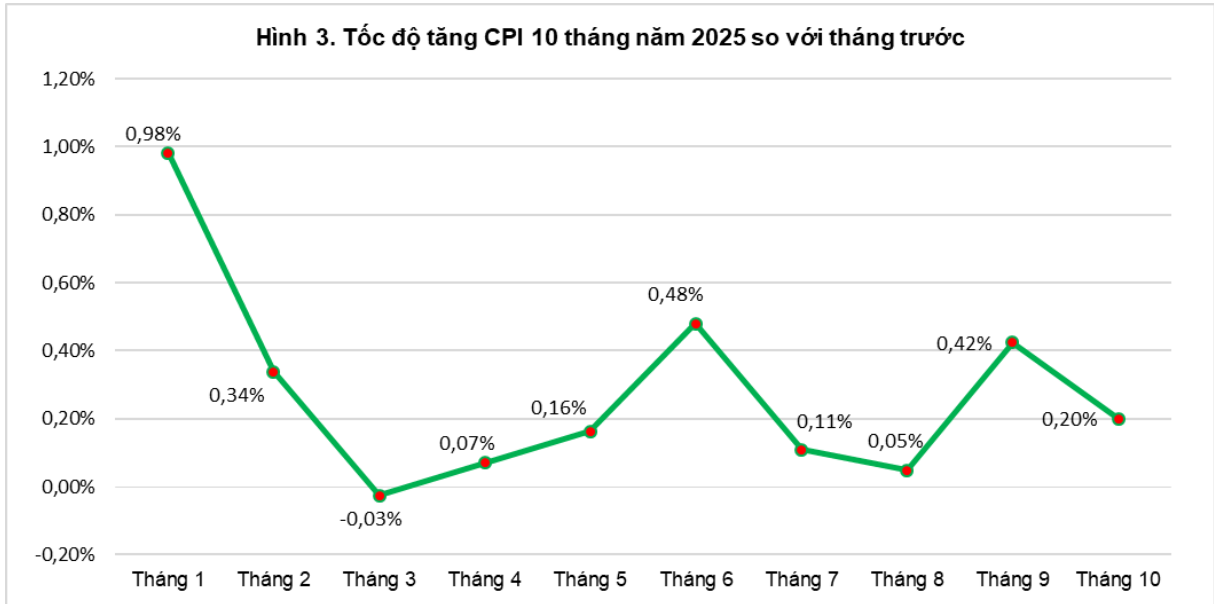
- Nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,22% do một số mặt hàng điện thoại thông minh mẫu cũ giảm giá.

## **II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 10 THÁNG NĂM 2025**

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 10 tháng năm 2025 tăng 3,27% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, diễn biến CPI các tháng và các yếu tố làm tăng, giảm CPI 10 tháng năm 2025 được phân tích chi tiết trong các mục dưới đây.

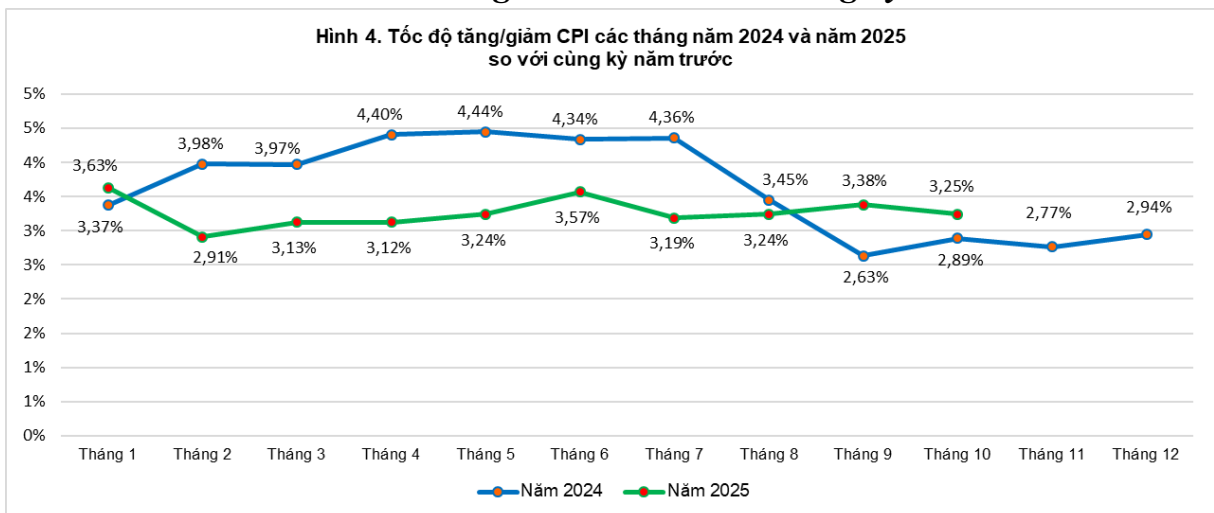
## 1. Diễn biến giá tiêu dùng 10 tháng năm 2025

### 1.1. Diễn biến CPI 10 tháng năm 2025 so với tháng trước



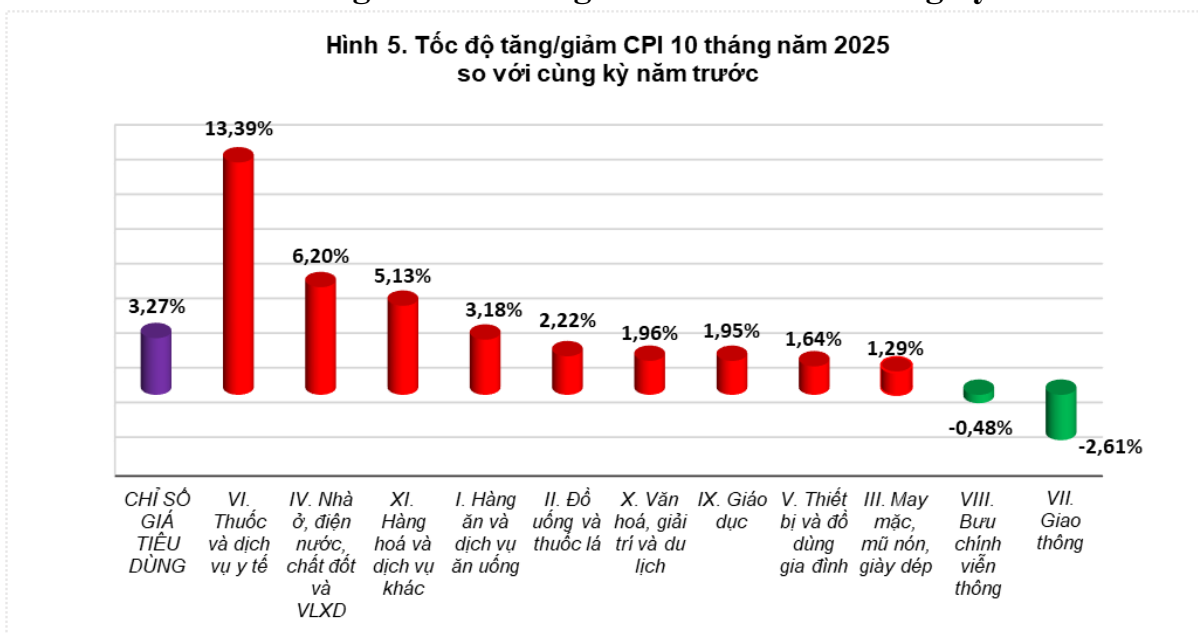
Trong 10 tháng năm 2025, CPI có 09 tháng tăng và 01 tháng giảm so với tháng trước, chịu tác động bởi quy luật tiêu dùng tăng trong dịp Lễ, Tết, ảnh hưởng của giá thế giới (gạo, gas đun, xăng dầu) và giá trong nước (thịt lợn, điện sinh hoạt, vật liệu bảo dưỡng nhà ở, nhà ở thuê). Cụ thể, CPI tháng Một tăng cao nhất với mức 0,98% do một số địa phương thực hiện tăng giá dịch vụ y tế và là tháng có Tết Nguyên đán Ất Tỵ nên nhu cầu mua sắm hàng hóa và dịch vụ, đi lại của người dân tăng cao. Sang tháng 2/2025, CPI tăng 0,34% do giá thịt lợn tăng khi thiếu hụt nguồn cung, giá nhà ở thuê tăng khi lượng lớn lao động trở lại thành phố tìm việc sau Tết Nguyên đán. Tháng 3/2025, CPI giảm 0,03% do giá gạo và xăng, dầu giảm. Từ tháng 4/2025 đến tháng 10/2025, CPI duy trì xu hướng tăng, với mức lần lượt là 0,07%; 0,16%; 0,48%; 0,11%; 0,05%; 0,42% và 0,2% chủ yếu do giá thuê nhà, thực phẩm, ăn uống ngoài gia đình, điện sinh hoạt và vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng. Trong 10 tháng năm 2025, bình quân mỗi tháng CPI tăng 0,28% so với tháng trước.

### 1.2. Diễn biến CPI 10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 01/2025 tăng cao nhất với 3,63%, tháng 02/2025 tăng thấp nhất với 2,91%, từ tháng 3 đến tháng 10/2025 mức tăng so với cùng kỳ năm trước tương ứng là 3,13%; 3,12%; 3,24%; 3,57%; 3,19%; 3,24%, 3,38% và 3,25%. Tính chung 10 tháng năm nay, CPI tăng 3,26% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT của Bộ Y tế; giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống cũng tăng giá do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng cao; giá dịch vụ giáo dục tăng do một số trường đại học, trung học dân lập, mầm non tư thục điều chỉnh mức học phí cho năm học 2025-2026.

## 2. Yếu tố làm tăng CPI 10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



- Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,18%, tác động làm CPI chung tăng 1,07 điểm phần trăm, trong đó nhóm thực phẩm tăng 3,43%, tác động làm CPI chung tăng 0,73 điểm phần trăm, chủ yếu do giá thịt lợn tăng 9,4%; mỡ ăn tăng 12,39%; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 3,74%, nhóm lương thực tăng 0,47%.

- Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,2%, làm CPI chung tăng 1,17 điểm phần trăm do giá nhà ở thuê và giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng. Bên cạnh đó, chỉ số giá nhóm điện sinh hoạt tăng 7,45% do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với EVN điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân vào ngày 11/10/2024 và ngày 10/5/2025, tác động làm CPI chung tăng 0,25 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 13,39%, làm CPI chung tăng 0,72 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế.

- Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 1,95%, làm CPI chung tăng 0,12 điểm phần trăm do một số trường đại học, trung học dân lập, mầm non tư thục điều chỉnh học phí.

- Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,64%, tác động làm CPI chung tăng 0,11 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá hàng hóa và dịch vụ khác tăng 5,13%, làm CPI chung tăng 0,18 điểm phần trăm chủ yếu do giá lệ phí công chứng, bảo hiểm và dịch vụ khác tăng 10,06%; đồ dùng cá nhân tăng 5,16%; dịch vụ hiếu, hỉ tăng 2,63%.

### **3. Yếu tố làm giảm CPI 10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước**

- Chỉ số nhóm giao thông giảm 2,61%, tác động làm CPI chung giảm 0,25 điểm phần trăm, trong đó giá xăng dầu giảm 9,84%.

- Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,48%, tác động làm CPI chung giảm 0,02 điểm phần trăm do giá điện thoại thể hệ cũ giảm.

### **III. LẠM PHÁT CƠ BẢN**

Lạm phát cơ bản<sup>2</sup> tháng 10/2025 tăng 0,35% so với tháng trước và tăng 3,3% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 10 tháng năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 3,27% của CPI bình quân chung, nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

**Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng Mười và 10 tháng từ năm 2021 đến năm 2025**

|                                                      | Đơn vị tính: % |             |             |             |             |
|------------------------------------------------------|----------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
|                                                      | Năm<br>2021    | Năm<br>2022 | Năm<br>2023 | Năm<br>2024 | Năm<br>2025 |
| Lạm phát cơ bản tháng 10<br>so với tháng trước       | -0,17          | 0,45        | 0,09        | 0,23        | 0,35        |
| Lạm phát cơ bản tháng 10<br>so với cùng kỳ năm trước | 0,50           | 4,47        | 3,43        | 2,68        | 3,30        |
| Lạm phát cơ bản 10 tháng<br>so với cùng kỳ năm trước | 0,84           | 2,14        | 4,38        | 2,69        | 3,20        |

**CỤC THỐNG KÊ**

<sup>2</sup> CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.